

MOISTURE BOARD



TẤM THẠCH CAO CHỊU ẨM
MOISTURE BOARD

ZINCA®

ZINCA®

CÔNG TY CỔ PHẦN ZINCA VIỆT NAM

Văn phòng: Tầng 20, Tòa nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, Hà Nội
Nhà máy 1: Km7 Đại lộ Thăng Long, Hà Nội
Nhà máy 2: CCN Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội
Nhà máy 3: Lô 7, CCN Kỳ Sơn, Tứ Kỳ, Hải Dương
Điện thoại : +84 24 3868 5624 Fax: +84 24 3868 7615
Hotline : 098 985 3333
Email : sales@zinca.com.vn
Website : zinca.com.vn

Chi nhánh Phú Thọ

Đ/c: Khu 7, xã Sông Lô, Đại lộ Hùng Vương, TP. Việt Trì, Phú Thọ
Tel: +84 21 0386 3555
Hotline: 091 330 8898

Chi nhánh Hải Phòng

Đ/c: Số 10/137 Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Hotline: 0983 523 696

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Đ/c: Số 14/14 đường Cù Chính Lan, Phường 13, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 6293 7274
Hotline: 0931 528 778



www.zinca.com.vn



MOISTURE BOARD

Tấm thạch cao chịu ẩm Zinca Moisture Board được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại với công thức tiên tiến đến từ Châu Âu phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Ưu điểm:

- Khả năng chịu ẩm cao
- Tấm đánh chắc, không vồng.
- Tính linh hoạt cao trong thiết kế theo những tiêu chuẩn cao nhất
- Dễ dàng trang trí với sơn, giấy dán tường
- Dễ dàng tạo ra các đường cong trang trí
- Thi công nhanh chóng, hiệu quả
- Độ bền cao
- Thân thiện với môi trường



Zinca Moisture Board

Thông tin sản phẩm*

Chiều dày (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều dài (mm)	Loại cạnh**	Trọng lượng trung bình (kg/m ²)
9	1220	2440	TE,SE	7.0
12.7	1220	2440	TE,SE	8.9
15.9	1220	2440	TE,SE	11.1
Bề mặt	Mặt trước tấm màu xanh lá cây, mặt sau tấm màu nâu			
Cách thức lắp đặt	Lắp đặt với hệ trần và vách của Zinca để đạt hiệu quả cao nhất			

* Các giá trị bảng là giá trị danh nghĩa và phục vụ mục đích chỉ dẫn
 ** Loại cạnh: SE: Cạnh vuông, TE: Cạnh vát

Đặc tính kỹ thuật:

- Với thành phần lõi thạch cao và giấy trộn với phụ gia đặc biệt, độ hút nước <5% khối lượng (tiêu chuẩn ASTM C1396, TCNV 8256:2009).

Ứng dụng:

- Phù hợp với các không gian như bệnh viện, trường học, khu vực chăm sóc sức khỏe,.....
- Các khu vực có độ ẩm cao, cần hạn chế ẩm như nhà bếp, phòng giặt ủi, phòng tắm,....

Tiêu chuẩn sản xuất:

- Tiêu chuẩn Mỹ ASTM C1396
- TCVN 8256:2009

THÔNG TIN CHUNG



Chống ẩm



Dễ uốn lượn



Chống thấm khi bị bắn nước



Thi công nhanh

Hệ Vách

Kích thước khung kim loại thanh U đứng/ thanh U nằm	Tổng chiều dày hệ vách	Chiều dày tấm & số lớp tấm	Chiều cao tối đa của vách*	Khả năng cách âm	Khả năng cách âm có bông thủy tinh cách âm**	Khả năng chống cháy	Khả năng chịu lực***	Trọng lượng trung bình
mm	mm	mm	mm	dB	dB	phút		kg/m ²
49/51	76.4	1x12.7	2985	33	41	30	Trung bình	19.0
62/64	89.4	1x12.7	3525	34	42	30	Trung bình	19.3
73/75	100.4	1x12.7	3915	34	43	30	Trung bình	19.6
90/92	117.4	1x12.7	4740	35	43	30	Trung bình	20.0
98/100	125.4	1x12.7	4740	35	43	30	Trung bình	20.6
125/127	152.4	1x12.7	4740	36	44	30	Trung bình	21.3
150/152	177.4	1x12.7	4740	36	46	30	Trung bình	22.2

* Khoảng cách giữa tâm các thanh xương C đứng là 610mm
 ** Bông thủy tinh cách âm có độ dày 50mm, khối lượng riêng 11kg /m³
 *** Khả năng chịu lực: trung bình, nặng và rất nặng

Hệ Trần

Bảng: Kết cấu của hệ trần

Chiều dày tấm (mm)	Số lớp tấm	Khoảng cách lắp đặt tối đa giữa tấm các thanh chính (mm)	Khoảng cách lắp đặt tối đa giữa tấm các thanh ngang (mm)	Hướng lắp đặt tấm
9	01	1000	406	Vuông góc với thanh ngang
12.7	01	1000	406	Vuông góc với thanh ngang

Ghi chú: Các giá trị trong các bảng là các giá trị danh nghĩa và phục vụ mục đích chỉ dẫn. Số liệu thực tế có thể khác